

Bản án số 38 /2024/DS-ST

Ngày 14/5/2024

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thân và Đặng Ngọc Thuý

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Lê Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 366/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: **Công ty TNHH M**; Trụ sở: Tầng E Khối E, Tòa nhà C, Số B C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đăng H và ông Trần Đình L – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: Tầng D, số A P, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy ủy quyền số 103/2023/GUQ-GLXDT VPN ngày 13 tháng 10 năm 2023*). (Ông H có mặt, ông L vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Đặng Minh Q** – Sinh năm 1985. Địa chỉ: Số B L, tổ H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng TMCP V**; Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà V, số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Số A P, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T, ông Nguyễn Mạnh S, ông Nguyễn Bá T1 và ông Đoàn Thanh T2 – chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (*Theo Giấy ủy quyền số - Giấy ủy quyền số 103/2024/UQ-VPB ngày 20 tháng 03 năm 2024*). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 0.11.2023, tại các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Công ty TNHH M là ông Lê Đăng H trình bày:

Ông Đặng Minh Q và Ngân hàng TMCP V có ký kết hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN2104263664039 ngày 04.5.2021. Theo đó các bên thoả thuận: Số tiền cho vay: 665.000.000đồng; Mục đích vay: Mua xe ô tô; Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9%/năm. Lãi suất cho vay cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và ngày 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 05/5/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/7/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,6%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Phương thức thanh toán gốc, lãi tiền vay: Nợ gốc trả 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 10/6/2021, số tiền định kỳ phải trả là 6.927.000 đồng; Kỳ trả nợ lãi: Theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 10 hàng tháng, kỳ đầu tiên vào ngày 10/6/2021 theo mức lãi suất đã thoả thuận.

Tài sản đảm bảo khoản nợ vay nói trên là xe ô tô hiệu HONDA, biển kiểm soát 43A-614.50, số khung MRHRU5850MP080798, Số máy R18ZF4110412 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43005374 do Phòng CSGT công an thành phố Đ cấp ngày 294/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đặng Minh Q. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104263664039 ngày 04/5/2021 tại Văn phòng C, thành phố Đà Nẵng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; Đăng ký biện pháp bảo đảm, Hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 04/5/2021.

Ngày 25.9.2023, Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH M đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 3-30/6/2023/GLX-VPB và Phụ lục kèm theo. Theo đó, Ngân hàng TMCP V đồng ý bán và Công ty TNHH M đồng ý mua toàn bộ khoản dư nợ của ông Đặng Minh Q, bao gồm khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm và các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng mà ông Q đã ký kết với Ngân hàng TMCP V.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đặng Minh Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH M từ ngày 10.6.2022, khoản vay đã chuyển quá hạn. Mặc dù, Công ty TNHH M đã nhiều lần có văn bản nhắc nợ, đôn đốc và làm việc để tạo điều kiện cho ông trả nợ nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ.

Nay, Công ty TNHH M yêu cầu ông Đặng Minh Q phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 735.919.199 đồng, trong đó, nợ gốc là 510.610.288 đồng; nợ lãi là 225.308.911 (tính đến ngày 14.5.2024); Đồng thời yêu cầu ông Đặng Minh Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15.5.2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Đặng Minh Q không trả được nợ thì tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu HONDA, biển kiểm soát 43A-614.50, số khung MRHRU5850MP080798, Số máy R18ZF4110412 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43005374 do Phòng CSGT công an thành phố Đ cấp ngày 294/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đặng Minh Q. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104263664039 ngày 04/5/2021 tại Văn phòng C, thành phố Đà Nẵng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; Đăng ký biện pháp bảo đảm, Hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 04/5/2021 sẽ bị phát mãi để thu hồi nợ cho Công ty.

** Về phía bị đơn, ông Đặng Minh Q:* Mặc dù Toà án đã làm các thủ tục triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật để tiến hành lấy lời khai nhưng ông Đặng Minh Q vẫn vắng mặt và không ý kiến phản hồi.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP V:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với ông Đặng Minh Q.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng* phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

+ Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 BLTTDS. Tuy nhiên, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết cho bị đơn Đặng Minh Q chưa đảm bảo đúng theo Điều 180 BLTTDS 2015 nên ngày 03/5/2024, Viện KSND quận T ban hành Công văn số 08 yêu cầu Tòa án tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng trong vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa Công ty TNHHM mua bán nợ G và Ông Đặng Minh Q do Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết theo đúng quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự để ông Đặng Minh Q biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Ngày 07/5/2024, TAND quận Thanh Khê có công văn số 366A trả lời công văn của Viện KSND quận T cho rằng việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn – ông Đặng Minh Q bằng phương thức niêm yết công khai là đảm bảo theo quy định của pháp luật mà không cần thiết phải tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Xét thấy, việc bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho V1 được biết về nơi cư trú mới thì theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015, điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tuy nhiên, việc Tòa án không tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để đảm bảo cho ông Nguyễn Minh Q1 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 173, khoản 1 Điều 180 BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 của BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 BLDS 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với ông Đặng Minh Q, buộc ông Q phải trả số tiền còn nợ cho Công ty TNHH M nợ G là 735.919.199 đồng, trong đó, nợ gốc là 510.610.288 đồng; nợ lãi là 225.308.911 (tính đến ngày 14.5.2024); Đồng thời yêu cầu ông Đặng Minh Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15.5.2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

+ Căn cứ theo quy định tại Điều 299, 317, 318, 323 BLDS, trường hợp ông Q thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ tổng nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HONDA HRV L, biển kiểm soát 43A-614.50; số khung MRHRU5850MP080798; số máy R18ZF4110412; Đăng ký xe số 43005374 do Phòng C1 Công an T4 cấp ngày 29/04/2021 thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Đặng Minh Q sẽ được xử lý theo Điều 299, 303 BLDS, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch khi yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng mà Công ty TNHH M đã tạm ứng trước, ông Q phải chịu và hoàn trả cho Công ty TNHH M

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Công ty TNHH M khởi kiện ông Đặng Minh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số B L, tổ H phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Theo Biên bản xác minh ngày 13.12.2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê tại Công an phường T, quận T thể hiện: “*Ông Đặng Minh Q có đăng ký hộ khẩu tại số B L, tổ H phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, đến năm 2014 ông Q đã bán nhà đi khỏi địa phương, ông Q đi đâu, làm gì địa phương không biết*”.

Năm 2021, ông Q ký hợp đồng vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô với Ngân hàng TMCP V có xác nhận thông tin nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên, ngoài ra tại Điều 5 Hợp đồng cho vay thể hiện “.....*Trường hợp Khách hàng thay*

đổi địa chỉ mà không thông báo cho VI bằng văn bản, thì được hiểu là Khách hàng cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và VI có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Khách hàng chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt Khách hàng kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Khách hàng”. Ngoài ra, tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung ...”.

Do đó, Tòa án đã lập thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật để triệu tập ông Q đến tham gia quá trình giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị đơn - ông Đặng Minh Q vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Hơn nữa, ngày 03.5.2024, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã yêu cầu Ngân hàng làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng Ngân hàng có văn bản không chấp nhận. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ Hợp đồng cho vay số LN2104263664039 ngày 04.5.2021 thì Ngân hàng TMCP V có cho ông Đặng Minh Q vay tổng số tiền 665.000.000đồng; Mục đích vay: Mua xe ô tô; Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9%/năm. Lãi suất cho vay cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và ngày 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 05/5/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/7/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bên cho vay đã giải ngân đầy đủ số tiền và ông Q đã nhận đủ số tiền vay nhưng việc trả nợ vay theo phân kỳ ông Q không thực hiện đầy đủ như cam kết. Kể từ ngày 10.6.2022, ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Từ khi tiếp nhận mua khoản vay của ông Q từ Ngân hàng TMCP V, Công ty TNHH M đã nhiều lần liên hệ ông Q qua số điện thoại cũng như đến nhà ông Q ghi trên Hợp đồng vay nhưng đều không gặp được ông Q. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, là bên có lỗi trong việc

thực hiện hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M là phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử buộc ông Đặng Minh Q phải trả cho Ngân hàng số 735.919.199 đồng, trong đó, nợ gốc là 510.610.288 đồng; nợ lãi là 225.308.911 (tính đến ngày 14.5.2024); Đồng thời yêu cầu ông Đặng Minh Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15.5.2024 theo mức lãi suất mà ông Q và Ngân hàng TMCP V đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty TNHH M.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn thì thấy: Để đảm bảo cho khoản nợ vay nói trên, ông Đặng Minh Q đã dùng tài sản là xe ô tô hiệu HONDA, biển kiểm soát 43A-614.50, số khung MRHRU5850MP080798, Số máy R18ZF4110412 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43005374 do Phòng CSGT công an thành phố Đ cấp ngày 294/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đặng Minh Q, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thế chấp cho Ngân hàng TMCP V. Nếu ông Đặng Minh Q không thực hiện việc trả nợ theo bản án tuyên thì tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu HONDA, biển kiểm soát 43A-614.50, số khung MRHRU5850MP080798, Số máy R18ZF4110412 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43005374 do Phòng CSGT công an thành phố Đ cấp ngày 294/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đặng Minh Q sẽ bị xử lý theo điều 299, 303 Bộ luật dân sự để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Công ty TNHH M.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Ông Đặng Minh Q phải chịu theo quy định pháp luật thì ông Đặng Minh Q chịu là 33.436.767 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên toà về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Tuy nhiên, đối với việc đại diện Viện kiểm sát cho rằng Toà án không tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để đảm bảo cho ông Đặng Minh Q biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự mà chỉ tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông Q là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 173, khoản 1 Điều 180 BLTTDS thì như đã phân tích tại mục [1.2] Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 299, 322, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với ông Đặng Minh Q về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử: Buộc ông Đặng Minh Q phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền là 735.919.199 đồng, trong đó, nợ gốc là 510.610.288 đồng; nợ lãi là 225.308.911 (tính đến ngày 14.5.2024).

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 15.5.2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2104263664039 ngày 04.5.2021.

3. Xử lý tài sản thế chấp: Nếu ông Đặng Minh Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì tài sản thế chấp là 01 xe ô tô hiệu HONDA, biển kiểm soát 43A-614.50, số khung MRHRU5850MP080798, Số máy R18ZF4110412 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43005374 do Phòng CSGT công an thành phố Đ cấp ngày 294/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đặng Minh Q sẽ bị xử lý theo điều 299 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho Công ty TNHH M.

Khi ông Đặng Minh Q trả xong toàn bộ khoản nợ vay thì Công ty TNHH M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Q các giấy tờ về tài sản thế chấp và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xoá đăng ký.

4. Án phí dân sự sơ thẩm ông Đặng Minh Q phải chịu 33.436.767 đồng.

Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH M nợ Galaxy tiền tạm ứng án phí là 15.503.338 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001106 ngày 05.12.2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đ, ông Đặng Minh Q phải chịu. Công ty TNHH M đã nộp tạm ứng (đã nộp và chi) nên ông Q có nghĩa vụ trả lại 3.000.000đ cho Công ty TNHH M.

6. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Thanh Khê;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Thủy

